

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DS-ST  
Ngày: 10 - 5 - 2024  
V/v: “Tranh chấp dân sự  
về Hợp đồng mua bán và  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Văn Hân Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Quốc Hùng.
2. Ông Lê Minh Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:**  
bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 10/01/2024 về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXX-DS ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông **Bùi Thanh H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Bùi Thanh H** là: ông **Phùng Thanh H1**, sinh năm 1969 (có mặt); (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023).

Địa chỉ: **khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.**

2. *Bị đơn:* ông **Trần Văn H2**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: **ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.**

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Huỳnh Ngọc L**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 09/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Bùi Thanh H** là ông **Phùng Thanh H1** trình bày: vào khoảng năm 2021, ông **Trần Văn H2** (sau đây gọi là ông **H2**) nhiều lần đến mua phân, thuốc trừ sâu của ông **Bùi Thanh H** (sau đây gọi là ông **H**) để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hình thức mua bán là giao hàng trước, đến khi thu hoạch lúa mới trả tiền. Sau nhiều lần mua, ông **H2** có trả và cũng có nợ lại. Khi đối chiếu nợ, ông **H2** ký biên nhận ngày 08/9/2023 nợ ông **H** tổng cộng 143.595.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng nợ vay, 93.595.000 đồng tiền nợ phân, thuốc trừ sâu). Mặc dù ông **H2** hẹn 03 tháng trả tiền nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện, ông **H** yêu cầu ông **H2** phải trả cho ông **H** số tiền mua phân, thuốc và tiền vay là 143.595.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18/7/2023 đến khi xét xử. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi suất.

Tại Tờ tự khai ngày 27/02/2024, ngày 10/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông **Trần Văn H2** trình bày: khoảng năm 2021, ông **H2** có mua phân, thuốc trừ sâu của ông **H** nhiều đợt. Đến ngày 08/9/2023, sau khi đối chiếu nợ thì ông **H2** có ký Giấy nợ ông **H** 143.595.000 đồng (trong đó ông **H2** nợ tiền vay là 50.000.000 đồng và nhận nợ thay cho ông **Huỳnh Ngọc L** tiền phân, thuốc là 93.595.000 đồng). Nay ông **H** đồng ý trả cho ông **H2** số tiền 143.595.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông **H2** yêu cầu được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên. Riêng việc nhận nợ thay cho ông **L** thì ông **H2** và ông **L** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại Tờ tự khai ngày 10/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Huỳnh Ngọc L** (sau đây gọi là ông **L**) trình bày: ông **L** thừa nhận vào khoảng năm 2021, có nhờ ông **Trần Văn H2** giới thiệu cho ông đến gặp ông **Bùi Thanh H** (Chủ **Cửa hàng V**) để mua phân, thuốc trừ sâu. Hình thức giao dịch là khi ông **L** đến mua thì ông **H** ghi vào sổ tên và số lượng từng mặt hàng, đến thu hoạch lúa sẽ trả tiền. Ông **L** xác định số tiền 143.595.000 đồng mà ông **H2** ký nhận nợ ông **H**, trong đó có 93.595.000 đồng do ông **H2** ký nhận thay cho ông **L**. Ông **L** và ông **H2** tự thỏa thuận số tiền 93.595.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và

nghĩa vụ tổ tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 430, 440, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Bùi Thanh H**, buộc bị đơn ông **Trần Văn H2** trả cho ông **Bùi Thanh H** số tiền 143.595.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán và vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Trần Văn H2** có địa chỉ tại **xã V, huyện T, tỉnh An Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông **Bùi Thanh H** yêu cầu ông **Trần Văn H2** trả cho ông **H** tiền mua phân, thuốc trừ sâu và tiền vay là 143.595.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 08/9/2023 và rút lại yêu cầu tính lãi suất.

[2.1] Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Giấy nhận nợ ngày 08/9/2023 do ông **Trần Văn H2** ký nhận, với nội dung: “.....Tôi tên **Trần Văn H2**. **Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang** có nhận số tiền 143.595.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) của **Đại lý vật tư nông nghiệp H3** do ông **Bùi Thanh H** làm đại diện cho cửa hàng. Lý do nhận tiền: mua phân bón và thuốc trừ sâu + tiền hỏi.....”.

[2.2] Bị đơn ông **H2** thừa nhận và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền mua phân, thuốc và tiền vay là 143.595.000 đồng; do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông **H2** yêu cầu được trả mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho đến khi hết số nợ trên nhưng nguyên đơn không đồng ý.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mua bán và vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn cam kết đến ngày 15/12/2023 trả số tiền trên nhưng vẫn không thực hiện là đã vi phạm nghĩa

vụ trả nợ nên ông **H** căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 08/9/2023 để yêu cầu ông **H2** trả số tiền 143.595.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 440, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông **H2** không yêu cầu ông **L** liên đới trách nhiệm trả số nợ trên nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông **H**, buộc ông **H2** có trách nhiệm trả cho ông **H** số tiền 143.595.000 đồng.

[4] Xét về lãi suất: tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 18/7/2023 cho đến khi xét xử nhưng tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông **Trần Văn H2** bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông **Bùi Thanh H** không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Thanh H**.

**1.1.** Buộc ông **Trần Văn H2** có trách nhiệm trả cho ông **Bùi Thanh H** số tiền 143.595.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

**1.2.** Đình chỉ yêu cầu của ông **Bùi Thanh H** về việc yêu cầu ông **Trần Văn H2** trả lãi suất.

**1.3.** Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Trần Văn H2** phải chịu 7.179.750 đồng (bảy triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **Bùi Thanh H** không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 3.589.875 đồng (ba triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0013539, ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**3. Về quyền kháng cáo:** các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Văn Hân Em**